II.B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH :

STT	Chỉ tiêu	Quý II-2008	Quý II-2009	6 tháng đầu năm 2008	6 tháng đầu năm 2009
1	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**2,112,497**	**2,728,190**	**3,917,441**	**4,837,806**
2	Các khoản giảm trừ	(43,980)	(52,945)	(76,375)	(93,979)
3	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**2,068,518**	**2,675,245**	**3,841,066**	**4,743,827**
4	**Giá vốn hàng bán**	**(1,346,582)**	**(1,670,178)**	**(2,592,909)**	**(3,067,993)**
5	**LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**721,935**	**1,005,067**	**1,248,157**	**1,675,834**
6	Doanh thu hoạt động tài chính	50,246	49,949	179,751	249,197
7	Chi phí tài chính	(66,222)	(115,792)	(152,947)	(160,450)
8	Chi phí bán hàng	(227,287)	(311,896)	(430,961)	(528,787)
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(60,811)	(69,558)	(118,804)	(129,418)
10	**. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**417,862**	**557,769**	**725,196**	**1,106,376**
11	. Thu nhập khác	25,750	26,997	65,662	52,565
12	. Chi phí khác	(1,294)	(1,333)	(3,828)	(6,464)
13	. Lợi nhuận khác	24,456	25,664	61,833	46,101
14	. Lỗ trong liên doanh	(21,422)	-	(34,958)	-
15	**. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**420,897**	**583,434**	**752,071**	**1,152,477**
16	. Thuế thu nhập doanh nghiệp	(36,723)	(18,944)	(72,759)	(106,846)
17	. Lợi ích cổ đông thiểu số	6,593	(9,862)	7,179	(897)
18	**. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	**390,767**	**554,628**	**686,490**	**1,044,734**
18	. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	2,229	3,164	3,917	5,959
18	. Cổ tức trên mỗi cổ phiếu				

Ngày 24 tháng 7 năm 2009

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Đức Diệu Thơ	**Lê Thành Liêm**	**Mai Kiều Liên**

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM VINAMILK
S.Đ.K.K.D: 4103001932-C.T.C.P
QUẬN 3 TP. HỒ CHÍ MINH